TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04-06-2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thị Xoan và bà Mai Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cầm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2026/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị B sinh năm 1988; số CCCD: 011188004596, ngày cấp: 21/09/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn L, sinh năm 1983; số CCCD: 011083004699, ngày cấp: 07/01/2025, nơi cấp: Bộ C; địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2026, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Lò Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không tu trí làm ăn mà nghiện hút, không chăm lo cho gia đình nên cuộc sống khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh L đã từng đi chấp hành án một lần rồi về vẫn không thay đổi. Chị B và anh L đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại chị B xác định không còn tình cảm với chồng. Nay tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn L

Về con chung: Chị B và anh L có 02 con chung là Lò Ngọc B1, sinh ngày 06/9/2006 và Lò Kim P, sinh ngày 28/11/2008. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lò Kim P, còn cháu Lò Ngọc B1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn anh Lò Văn L: Trong quá trình giải quyết, tại bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 mà chưa có đăng ký kết hôn. Chị B trình bày do anh L không tu trí làm ăn, không chăm lo cho gia đình là không đúng, thỉnh thoảng vợ chồng cãi nhau nhưng không căng thẳng. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng với nhau bình thường, anh L không muốn ly hôn. Nếu chị B nhất quyết ly hôn thì anh L cũng đành chịu và không chấp nhận.

Về con chung: Anh L đồng ý với ý kiến trình bày của chị B2: Anh, chị có 02 con chung là Lò Ngọc B1, sinh ngày 06/9/2006 và Lò Kim P, sinh ngày 28/11/2008. Anh L có ý kiến: Cháu P muốn ở với ai là tùy cháu còn cháu Lò Ngọc B1 đã thành niên và có khả năng lao đồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2026, Chị B có mặt, anh L đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin hoãn phiên tòa.

Tại phiên toà ngày hôm nay, chị Lò Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện. Anh Lò Văn L vẫn giữ nguyên quan điểm, không đồng ý ly hôn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị B: Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của chị B về ly hôn, nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh L, về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Lò Kim P, sinh ngày 28/11/2008 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động, còn cháu Lò Ngọc B1 đã thành niên và có khả năng lao đồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Anh Lò Văn L không đồng ý ly hôn vì mong muốn con cái được sống trong gia đình đầy đủ, được chăm sóc, nuôi dưỡng và hưởng trọn tình cảm của cả cha và mẹ; về con chung: Nếu phải ly hôn thì tùy cháu Lò Kim P ở với ai thì ở, còn cháu Lò Ngọc B1 đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Đề nghị: Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân và con chung. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án ly hôn giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị B: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, theo quy định tại các Điều 14, 51, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Lò Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L không tu chí làm ăn, nghiện ngập và không chăm lo cho gia đình. Mặc dù anh L đã từng chấp hành án phạt tù, nhưng sau khi trở về địa phương vẫn không thay đổi, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị B và anh L đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, bỏ mặc, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do chị B và anh L chung sống với nhau từ năm 2006 mà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ này không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị B, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn L.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị B và anh Lò Văn L có 02 con chung là Lò Ngọc B1, sinh ngày 06/9/2006 và Lò Kim P, sinh ngày 28/11/2008.

Đối với cháu Lò Ngọc B1: Tính đến thời điểm xét xử, cháu B1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Lò Kim P: Căn cứ các biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai. Xét thấy chị B và anh L đều có nơi ở ổn định, thu nhập từ làm nông nghiệp và làm thuê không ổn định. Tuy nhiên, cháu P là con gái, rất cần sự chăm sóc, bảo bọc từ người mẹ; đồng thời bản thân cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển toàn diện của trẻ, cần chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cháu P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ các điều 58, 69, 71, 72, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Lò Kim P cho chị Lò Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lò Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn có đơn xin miễn nộp án phí, nên cần miễn

toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa: Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[8] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228, Điều 238, Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị B

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Kim P, sinh ngày 28/11/2008 cho chị Lò Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án (ngày 04/6/2026).

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP của đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Xoan **Mai Thị Lượng** **Bùi Thanh Tuấn**